

## XÂY DỰNG NGUỒN HỌC LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO TẠI TRUNG TÂM THÔNG TIN-THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC HUẾ

Nguyễn Thị Thu Hà

Trung tâm Thông tin-Thư viện trường Đại học Khoa học Huế

Đổi mới phương thức đào tạo đại học từ niên chế sang tín chỉ là mô hình đào tạo mang lại nhiều lợi ích cho người học. Mô hình đào tạo này đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm của các trường đại học tại Việt Nam hiện nay. Để mô hình này áp dụng thành công cần rất nhiều yếu tố, trong đó yếu tố quan trọng là nguồn học liệu trong các trung tâm thông tin-thư viện của các trường đại học. Bài viết đưa ra những giải pháp nhằm phát triển nguồn học liệu phục vụ phương thức đào tạo đại học theo tín chỉ tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

### Mở đầu

Trong những năm gần đây, vấn đề đổi mới giáo dục nói chung và đổi mới giáo dục đại học nói riêng luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Cụ thể, Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 02 tháng 11 năm 2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học giai đoạn 2006 - 2020 và Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”. Trong đó, mục tiêu cụ thể đối với giáo dục đại học được đưa ra là: *“Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. ...”*. Tiếp nối chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Đại hội Đảng khóa XII đã khẳng định: *“Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo theo hướng mở, hội nhập, ...”*, theo phương thức *“Đổi mới phương pháp giáo dục kỹ thuật, đào tạo nghề và giáo dục đại học theo hướng giảm thời lượng dạy lý thuyết, tăng thời lượng thảo luận và thực hành; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học; chuyển quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo; ...”*

Trong giai đoạn 2006 - 2018, giáo dục đại học đã có nhiều thay đổi tích cực. Đáng chú ý nhất là mô hình đào tạo theo tín chỉ, lấy người học làm trung tâm, giúp sinh viên chủ động hơn trong việc tiếp thu kiến thức, lấy sự tự học, tự nghiên cứu làm hoạt động quan trọng trong quá trình học; giảng viên thay đổi phương pháp dạy học, phương pháp chuẩn bị bài giảng,... Mô hình đào tạo theo tín chỉ đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm của các trường đại học tại Việt Nam hiện nay. Để triển khai thành công mô hình này cần rất nhiều yếu tố, trong đó nguồn học liệu đóng vai trò rất lớn, quyết định sự thành công trong công tác học tập, chuẩn bị bài giảng và nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên.

### 1. Phương thức và điều kiện đào tạo theo tín chỉ

#### 1.1. Phương thức đào tạo theo tín chỉ

Tín chỉ (Credit) là đại lượng đo toàn bộ thời gian bắt buộc của một người học bình thường để học một môn học cụ thể, bao gồm thời gian học lý thuyết trên lớp; thời gian thực hành trong phòng thí nghiệm; thời gian thực tập hoặc các phần việc khác đã được quy định trong thời khóa biểu; thời gian dành cho đọc sách, tự nghiên cứu và giải quyết vấn đề, viết hoặc chuẩn bị bài,... Đối với các môn học lý thuyết, một tín chỉ là một giờ lên lớp

(với hai giờ chuẩn bị bài) trong một tuần và kéo dài trong một học kỳ 15 tuần; đối với các môn học ở studio hay phòng thí nghiệm, ít nhất là 2 giờ trong một tuần (với 1 giờ chuẩn bị); đối với các môn tự học, ít nhất là 3 giờ làm việc trong một tuần [1].

Như vậy, so với chương trình đào tạo theo niên chế, đào tạo theo tín chỉ có những thay đổi lớn trong phương pháp dạy và học, trong phương pháp kiểm tra, đánh giá và cách học của sinh viên. Hình thức này, yêu cầu sinh viên phải tự học và tự tiếp cận tài liệu của các môn học. Mỗi tuần, ngoài việc cung cấp tài liệu cho sinh viên, giảng viên phải yêu cầu sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

### 1.2. Điều kiện đào tạo tín chỉ

Trong quyết định số 31/2001/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30 tháng 7 năm 2001, tại Điều 1 đã ghi rõ 5 điều kiện đào tạo theo học chế tín chỉ. Trong đó có điều kiện về học liệu (có đủ sách tham khảo, tài liệu học tập). Các đơn vị đào tạo có nhiệm vụ cụ thể hóa điều kiện về học liệu trong các hướng dẫn về đào tạo theo tín chỉ của đơn vị mình.

Quy chế học vụ đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Khoa học Huế đã ghi rõ những nhiệm vụ của giảng viên, sinh viên trong việc thực hiện giờ tín chỉ (giờ lý thuyết, giờ thảo luận). Mặt khác, trong các đề cương chi tiết của môn học, tại mục 6 về “Học liệu” (tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo), mục 7 về “Hình thức tổ chức dạy - học” cũng đã yêu cầu sinh viên chuẩn bị bài trước khi đến lớp [2].

Để thực hiện được nhiệm vụ trên, giảng viên phải chuẩn bị và giới thiệu tài liệu “cần” và “đủ” cho môn học, sinh viên phải tiếp cận và đọc những tài liệu đó trước khi lên lớp.

Có thể thấy, nguồn tài liệu hay học liệu là rất cần thiết cho phương pháp đào tạo theo tín chỉ. Vấn đề ở chỗ các thư viện đại học cần phải làm gì để đảm bảo nguồn tài liệu đó

và đưa chúng đến với giảng viên, sinh viên, đáp ứng yêu cầu của phương pháp đổi mới đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ.

## 2. Giải pháp phát triển nguồn học liệu phục vụ phương thức đào tạo theo tín chỉ tại Trung tâm Thông tin-Thư viện trường Đại học Khoa học Huế

### 2.1. Xây dựng nguồn học liệu

#### 2.1.1. Cơ sở xây dựng nguồn học liệu

Vốn tài liệu/nguồn tài nguyên thông tin (bao gồm dạng in ấn và dạng số) có tại Trung tâm Thông tin - Thư viện trường Đại học Khoa học Huế (sau đây gọi tắt là Trung tâm) nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, học tập, nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Vì vậy, trong đào tạo tín chỉ, “học liệu” chính là một bộ phận nhỏ trong “vốn tài liệu” của thư viện.

Tạm thời có thể phân loại nguồn học liệu theo các phương diện sau:

- Theo hình thức:
  - + Tài liệu truyền thống (tài liệu in ấn).
  - + Tài liệu hiện đại: dạng số và dạng nghe, nhìn.
- Theo mục đích sử dụng:
  - + Học liệu bắt buộc.
  - + Học liệu tham khảo.
- Theo bản quyền:
  - + Học liệu mở (open course).
  - + Học liệu được sử dụng khi được cấp quyền truy cập.

Việc phân loại trên chỉ mang tính chất tương đối, vì bản thân một tài liệu có thể mang một hoặc hai, hoặc cả ba đặc tính trên. Việc phân loại này mang ý nghĩa phục vụ cho công tác tổ chức, quản lý, giới thiệu và đưa học liệu đến với giảng viên, sinh viên.

Để có nguồn học liệu thích hợp, đáp ứng với yêu cầu của môn học, thư viện cần phải bám sát đề cương chi tiết của môn học. Một trong những yêu cầu cơ bản đối với một đề cương môn học theo khung chương trình đào tạo tín chỉ là yêu cầu liệt kê các tài liệu

bắt buộc và tài liệu tham khảo cho môn học đó. Danh sách này định hướng cho người học chủ động tìm hiểu sâu hơn và rộng hơn nội dung được đề cập trong môn học. Đồng thời danh sách này cũng là cơ sở để thư viện có thể rà soát bổ sung những tài liệu đang thiếu của môn học.

### 2.1.2. Một số kết quả đạt được

#### \* Nguồn học liệu truyền thống (dang in ấn)

Tính đến tháng 3/2018, Trung tâm có tổng số vốn tài liệu dạng in ấn 37.666 nhan đề/125.865 bản tài liệu. Trong đó, tài liệu chuyên khảo tiếng Việt: 20.176 nhan đề/62.654 bản; tài liệu giáo trình: 1.207 nhan đề/30.566 bản;

**Bảng 1.** Các cơ sở dữ liệu được Trung tâm xây dựng

STT	Cơ sở dữ liệu	Số nhan đề	File dữ liệu
1	Bài báo khoa học tiếng Việt	14.942	14.942
2	Bài báo khoa học tiếng nước ngoài	3.031	3.031
3	Đề tài Nghiên cứu khoa học	671	1.342
4	Luận án Tiến sỹ	75	150
5	Luận văn Thạc sỹ	2.582	4.164
6	Sách	265	548

tài liệu ngoại văn 10.954 nhan đề/25.540 bản; tài liệu báo - tạp chí 504 nhan đề; số còn lại là tài liệu dạng luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, theo khảo sát, dựa trên đề cương chi tiết của các môn học, tác giả nhận thấy, tuy số vốn tài liệu của thư viện nhiều nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nguồn học liệu bắt buộc và tham khảo của các môn học.

#### \* Nguồn học liệu điện tử (tài nguyên số)

Song song với nguồn học liệu in ấn, Trung tâm còn chú trọng phát triển nguồn thông tin số (thông tin toàn văn - fulltext). Đây là một kênh thông tin mới đáp ứng được yêu cầu tra cứu thông tin và đọc tài liệu từ xa, không bị giới hạn về không gian và thời gian.

Hiện nay, Trung tâm đã xây dựng được 6 cơ sở dữ liệu lớn cho nguồn tài nguyên số. Các cơ sở dữ liệu này được tổng hợp trong Bảng 1.

Các cơ sở dữ liệu này được kết nối trên trang “Tài nguyên số Dspace” và kết nối với trang chủ của Trung tâm (<http://tainguyenso.husc.edu.vn/dspace/>)

#### \* Cơ sở dữ liệu Tín chỉ - Học liệu

Ngoài việc xây dựng các nguồn học liệu in ấn và nguồn học liệu số, Trung tâm còn tiến hành xây dựng 01 cơ sở dữ liệu về “Tín chỉ - Học liệu”, kết nối vào website của Trung tâm (Hình 1). Dựa vào khung chương trình đào tạo gồm 24 ngành của Nhà trường theo quyết định số 128/QĐ-ĐHKH ngày 21/4/2016 của Hiệu trưởng, trên cơ sở rà soát học liệu của các môn học trong đề cương chi tiết, Trung tâm tiến hành tra cứu và chỉ chỗ các học liệu hiện có tại thư viện của Trung tâm và Trung tâm học liệu Huế, giúp sinh viên giảm được thời gian tìm kiếm, đồng thời qua đó cũng đề xuất những tài liệu mới giúp cho giảng viên có nhiều thông tin để đọc và lựa chọn (Hình 2).



**Hình 1. Hình ảnh CSDL “Tin chỉ - Học liệu” kết nối website**

**2.2. Quản lý và phục vụ học liệu**

**2.2.1. Quản lý nguồn học liệu**

Theo xu hướng chia sẻ và kết nối thông tin, Trung tâm đã tiến hành chuẩn hóa các khâu trong công tác nghiệp vụ và phân kho tài liệu. Hiện nay, hệ thống kho tài liệu của Trung tâm được phân thành 2 nguồn. Nguồn tài liệu truyền thống và nguồn tài liệu điện tử (tài liệu số).

Nguồn tài liệu truyền thống được phân chia thành các kho tài liệu kết nối với các phòng mượn, bao gồm:

- Kho tài liệu tiếng Việt: Sách chuyên khảo.
- Kho tài liệu Giáo trình: Giáo trình tiếng Việt và tiếng nước ngoài.
- Kho tài liệu Ngoại văn: Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga,...
- Kho tài liệu Hạn chế: Sách xuất bản trước năm 1975, luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học.
- Kho Báo - Tạp chí và tài liệu tra cứu.

Nguồn tài liệu điện tử (tài liệu số) được quản lý bằng các cơ sở dữ liệu xây dựng theo chuyên ngành và chuyên đề. Các cơ sở dữ

liệu toàn văn được kết nối trực tuyến thông qua trang “Tài nguyên số Dspace” và trang “Thư viện số” trên trang chủ của Trung tâm.

**2.2.2. Phục vụ học liệu**

Để đưa học liệu đến với giảng viên và sinh viên, Trung tâm mở các phòng đọc và phòng mượn với những chính sách linh hoạt theo từng loại hình tài liệu và từng đối tượng sử dụng. Cụ thể, phòng sách Chuyên khảo: sinh viên được mượn 05 tài liệu/10 ngày, cán bộ được mượn 05 tài liệu/15 ngày; phòng sách Giáo trình: sinh viên được mượn 5 giáo trình/30 ngày, giảng viên được mượn 5 giáo trình/45 ngày.

Đối với tài liệu điện tử, Trung tâm ứng dụng phần mềm mã nguồn mở Dspace để quản lý và phục vụ bạn đọc: <http://tainguyenso.husc.edu.vn/dspace/> và <http://husc.tailieu.vn/>. Nguồn tài nguyên số là các cơ sở dữ liệu toàn văn sẽ liên quan đến vấn đề bản quyền. Vì vậy, Trung tâm dựa trên những quy định về luật bản quyền để đưa ra những chính sách truy cập và đọc tài liệu một cách hợp lý. Để truy cập và đọc toàn văn tài liệu số, giảng viên và sinh viên phải đăng ký với Trung tâm để được cấp quyền truy cập.

## TÀI LIỆU - HỌC TẬP, THAM KHẢO, NGHIÊN CỨU

Tên học phần: **HÓA SINH ỨNG DỤNG TRONG THỰC PHẨM**  
(Biochemistry applied in food)

Mã học phần: **HOA4412**

Học liệu bắt buộc		
STT	TÊN HỌC LIỆU	ĐỊA CHỈ LƯU TRỮ
1	Bài giảng “ <i>Hoá sinh ứng dụng trong thực phẩm</i> ”	Giảng viên
2	Lê Ngọc Tú. <i>Hoá sinh công nghiệp</i> Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2002.	Vv12223-Vv12232 GT Sinh. Cá biệt: 250 - 259
3	Lê Ngọc Tú. <i>Hoá sinh công nghiệp</i> Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2002.	TT học liệu Huế: tầng 2, chuyên khảo
Học liệu tham khảo		
STT	TÊN HỌC LIỆU	ĐỊA CHỈ LƯU TRỮ
1	Cao Đăng Nguyên, Phạm Thị Ngọc Lan. <i>Giáo trình hóa sinh công nghiệp</i> . Nxb. Đại học Huế, 2012	Vv23216 - Vv23220 GT Sinh. Cá biệt: 3394 - 3488
2	Lê Ngọc Tú, Bùi Đức Hợp, Lưu Duẩn, Ngô Hữu Hợp, Đặng Thị Thu, Nguyễn Trọng Căn. <i>Hoá học thực phẩm</i> . Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2002	Giảng viên
3	Lê Ngọc Tú, chủ biên; Bùi Đức Hợp, Lưu Duẩn... <i>Hoá học thực phẩm</i> . Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 1994	Vv7792-Vv7793
4	Hoàng Kim Anh. <i>Hóa học thực phẩm</i> . Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2007	Vb42909 - Vb42913
5	Hà Duyên Tư. <i>Phân tích hóa học thực phẩm</i> . Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2013	TT học liệu Huế: Tầng 2, chuyên khảo
6	Phạm Thị Trân Châu, Trần Thị Áng. <i>Hóa sinh học</i> . Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012	Vv22819 - Vv22823
7	Phạm Thị Trân Châu, Trần Thị Áng. <i>Hóa sinh học</i> . Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2004	Vv17301 - Vv17306 ; Vv23441

Hình 2. Hình ảnh minh họa học liệu của một môn học đã được chỉ chỗ

### 2.3. Khó khăn và giải pháp

#### 2.3.1. Khó khăn

- Sự kết nối để cung cấp thông tin về học liệu giữa giảng viên, sinh viên với Trung tâm chưa cao.

- Một số học liệu bắt buộc của môn học mà giảng viên yêu cầu đã xuất bản quá lâu, chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết trong quá trình nghiên cứu, học tập.

- Kinh phí dành cho việc bổ sung nguồn học liệu thấp, nên khó có thể bổ sung được những tài liệu nước ngoài có giá trị cũng như các sở dữ liệu điện tử.

- Hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin và các thiết bị hỗ trợ còn yếu kém, không đồng bộ, đường truyền yếu dẫn đến khó khăn trong việc truy cập và đọc tài liệu số.

#### 2.3.2. Giải pháp

- Tăng cường sự kết nối giữa giảng viên, sinh viên với thư viện trong việc bổ sung, giới thiệu các học liệu mới bằng nhiều hình thức, như: trao đổi trực tiếp, thư điện tử, trưng bày, triển lãm, ...

- Lập danh mục các học liệu bắt buộc phải có, tiến hành làm việc với các nhà xuất bản để bổ sung. Đối với các học liệu đã xuất bản quá lâu, không tái bản, Trung tâm liên hệ với giảng viên để mượn và số hóa tài liệu (theo quy định khoản 1, điều 25, Luật sở hữu trí tuệ 2005) dùng cho sinh viên học tập, hoặc đề nghị giảng viên thay thế học liệu mới có nội dung tương tự.

- Liên kết với Trung tâm Học liệu Huế và các trung tâm TT-TV các trường đại học thành viên của Đại học Huế trong việc bổ sung tài liệu, kết nối và chia sẻ thông tin giữa các đơn vị với nhau.

#### Kết luận

Chuyển đổi mô hình đào tạo từ niên chế sang tín chỉ là một công cuộc đổi mới trong các trường đại học. Mô hình này đã và đang đem lại những thành công và thuận lợi bước đầu cho nền giáo dục đại học tại Việt Nam trong xu thế hội nhập cùng thế giới. Mô hình đào tạo theo tín chỉ cũng tạo nhiều thách thức và áp lực cho các trường đại học trong quá trình giảng dạy và học tập. Một trong số thách thức đó là nguồn học liệu cung cấp cho giảng viên và sinh viên trong quá trình dạy và học. Để xây dựng nguồn học liệu tốt, đáp

ứng yêu cầu đào tạo theo tín chỉ, Trung tâm cần phải chú trọng đến việc bổ sung tài liệu phù hợp với các đề cương môn học, cung cấp nhiều dạng tài liệu khác nhau giúp sinh viên lựa chọn và tiếp cận tài liệu nhanh và đầy đủ nhất. Ngoài ra, việc liên kết chia sẻ nguồn học liệu giữa các thư viện đại học và các trung tâm học liệu cần được xây dựng và đẩy mạnh để tăng số lượng cũng như chất lượng nguồn học liệu đáp ứng cho công cuộc đổi mới giáo dục đại học của Nhà trường.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2004). *Kỷ yếu hội thảo thông tin-thư viện lần 2 (11/12/2004)*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội
2. Đại học Khoa học-Đại học Huế, *Quy chế học vụ đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Khoa học 2015*
3. Lê Quỳnh Chi, “*Thư viện đại học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo*” (<http://nlv.gov.vn/nghep-vu-thu-vien/>)
4. Nguyễn Thị Trang Nhung, Phạm Tiến Toàn, “*Bàn về nguồn học liệu phục vụ sinh viên trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học theo phương thức đào tạo tín chỉ tại các trường đại học*”, (<http://dlib.huc.edu.vn>)
5. Nguyễn Văn Hành (2007). “*Kiểm định chất lượng đào tạo đại học: thời cơ và thách thức đối với các thư viện đại học Việt Nam*”, Tạp chí Thông tin và Tư liệu, số 1, 2007, tr. 15-19
6. Nguyễn Văn Hành, “*Thư viện trường đại học với công tác phát triển học liệu phục vụ đào tạo theo tín chỉ*”, (<http://dlib.ptit.edu.vn>)
7. Trần Mạnh Tuấn (2006). “*Bản quyền trong việc triển khai dịch vụ cung cấp bản sao tài liệu trong các thư viện đại học*”, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế về Thư viện Việt Nam: Hội nhập và phát triển*, Tp. Hồ Chí Minh ngày 28-30/8/2006, tr. 70- 74.
8. Vũ Duy Hiệp, “*Phát triển nguồn học liệu mở phục vụ đào tạo theo phương thức tín chỉ*” (<http://trungtamttvntn.vinhuni.edu.vn/tin-tuc-su-kien>)